

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2020/KDTM-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Út

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liên

2. Ông Lê Đình Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2012/TLST-KDTM ngày 20 tháng 11 năm 2012 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2020/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 09 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần K

Địa chỉ: 44 T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Q

Địa chỉ: 22 H, phường L, quận K, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tạ Trung N, sinh năm 1994, theo giấy ủy quyền số 324/UQ-NHKL ngày 12/03/2019 (có mặt).

Địa chỉ: 98 C, phường A, Quận E, Tp.HCM

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH đầu tư sản xuất xây dựng thương mại xuất nhập khẩu M.

Địa chỉ: 25/19C X, phường C, quận N, Tp.HCM

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồ Lâm B, sinh năm 1983, theo giấy ủy quyền ngày 8/9/2015 (vắng mặt).

Địa chỉ: 25/19C X, phường C, quận N, Tp.HCM

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Võ Minh T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Y 2, xã S, huyện I, tỉnh An Giang

3.2. Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: I

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Ngày 8/01/2011 Ngân hàng TMCP K (kể từ sau gọi là Ngân hàng) và Công ty TNHH đầu tư sản xuất xây dựng thương mại xuất nhập khẩu M (kể từ sau gọi là công ty M) ký hợp đồng tín dụng số 0662/HĐTD vay số tiền 4.200.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay 06 tháng.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 4.200.000.000 đồng theo các Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 0662.1/GNN ngày 10/01/2011.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên ông Võ Minh T đã dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là bất động sản tọa lạc tại Đường tỉnh 942, ấp M1, thị trấn M2, huyện I, tỉnh An Giang thế chấp để bảo lãnh cho công ty N.

Ngày 26/01/2011, Ngân hàng và công ty M tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 0674/HĐTD vay số tiền 1.630.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn vay: 06 tháng.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân tiền cho công ty Như Minh số tiền 1.630.000.000 đồng theo Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 0674.1/GNN ngày 27/01/2011.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Huỳnh Văn D1 và bà Nguyễn Bích H1 đã dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là bất động sản tọa lạc tại 155/5 phường R, thành phố X, tỉnh An Giang thế chấp để bảo lãnh cho công ty M.

Đến hạn trả nợ gốc nhưng công ty M không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nên Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án.

Ngày 20/12/2013 Ngân hàng K bán toàn bộ khoản nợ của công ty M cho công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V theo hợp đồng mua bán nợ số 14/2013/VAMC-KIENLONGBANK.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện thì ngày 25/12/2017 ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Bích H đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.630.000.000 đồng và tiền lãi là 5.000.000 đồng cho hợp đồng tín dụng số 0674/HĐTD ngày 26/01/2011 nên Ngân hàng đã tiến hành giải tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Bích H. Ngày 16/01/2019 Ngân hàng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Tính đến ngày 10/7/2020, công ty M còn nợ Ngân hàng những khoản tiền sau:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 0662/HĐTD ngày 8/01/2011:

Tiền nợ gốc: 4.200.000.000 đồng

Tiền lãi trong hạn: 447.906.667 đồng

Tiền lãi quá hạn: 11.849.635.000 đồng

Tiền phạt chậm trả lãi: 1.000.604.337 đồng

Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi: 17.346.386.000 đồng.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 0674/HĐTD ngày 26/01/2011:

Tiền nợ gốc: 0 đồng

Tiền lãi trong hạn: 168.847.107 đồng

Tiền lãi quá hạn: 3.275.809.055 đồng

Tiền phạt do chậm trả lãi: 577.033.148 đồng

Tổng cộng: 4.021.770.580 đồng.

Yêu cầu công ty M thanh toán toàn bộ số tiền trên làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp công ty M không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án phát mãi các tài sản thế chấp:

Quyền sử dụng đất tọa lạc tại đường tỉnh 942, Y 2, xã S, huyện I, tỉnh An Giang, tờ bản đồ số 18, thửa đất số 04 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01184Ha do Ủy ban nhân dân huyện I, tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Minh T ngày 03/12/2008.

Tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 09/NƠ do Ủy ban nhân dân huyện I, tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Minh T ngày 12/01/2009 để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Ông Nguyễn Hồ Lâm B đại diện bị đơn trình bày: Ngày 8/01/2011 công ty M và Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 0662/HĐTD để vay số tiền 4.200.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký giấy nhận nợ ngày 08/01/2011. Ngày 26/01/2011 công ty M và Ngân hàng ký tiếp hợp đồng tín dụng số 0674/HĐTD để vay số tiền 1.630.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 26/01/2011.

Để đảm bảo cho khoản vay của hợp đồng số 0662/HĐTD ngày 8/01/2011, ông Võ Minh T có thể chấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0271115 vào sổ số H01184Ha do Ủy ban nhân dân huyện I, tỉnh An Giang cấp ngày 03/12/2008 tại địa chỉ: Tờ bản đồ số 18, thửa số 04 tại thị trấn M2, huyện Chợ Mới và thế chấp căn nhà địa chỉ đường tỉnh 942 ấp M1, thị trấn M2, huyện I, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 09/NƠ do Ủy ban nhân dân huyện I, tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Minh T ngày 12/01/2009 theo hợp đồng thế chấp số 0662/HĐTC ngày 8/01/2011.

Đồng thời, ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Bích H ký hợp đồng thế chấp số 0674/HĐTC ngày 26/01/2011 thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo giấy chứng nhận số BC 34632 vào sổ số CH00191 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp ngày 10/6/1010, địa chỉ nhà 155/5 phường R, thành phố X, tỉnh An Giang để đảm bảo cho khoản vay của hợp đồng tín dụng số 0674/HĐTD ngày 26/01/2011.

Sau khi vay, công ty M chưa trả vốn cho Ngân hàng, có trả lãi đúng hạn nhưng do kinh tế khó khăn nên công ty không tiếp tục trả được. Công ty M xác nhận đến ngày 29/8/2012 công ty M còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là 5.830.000.000 đồng. Về tiền lãi do công ty kinh doanh thua lỗ nên xin Ngân hàng giảm lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh T, Nguyễn Thanh Đi vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án mời làm việc, mở phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông Nguyễn Tạ Trung N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu công ty M thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền sau.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 0662/HĐTD ngày 8/01/2011:

Tiền nợ gốc: 4.200.000.000 đồng

Tiền lãi trong hạn: 445.503.333 đồng

Tiền lãi quá hạn: 12.145.245.000 đồng

Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi: 16.790.748.333 đồng.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 0674/HĐTD ngày 26/01/2011:

Tiền nợ gốc: 0 đồng

Tiền lãi trong hạn: 167.914.203 đồng

Tiền lãi quá hạn: 3.277.289.410 đồng

Tổng cộng: 3.445.203.525 đồng.

Tổng cộng, công ty M phải thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo hai hợp đồng tín dụng nêu trên là 19.590.448.525 đồng (mười chín tỷ năm trăm chín mươi triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng). Ngân hàng không yêu cầu công ty M phải trả tiền lãi phạt do chậm trả lãi theo như thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng.

Yêu cầu công ty M trả toàn bộ số tiền trên làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp, công ty M không trả hoặc trả không đầy đủ nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0271115 vào sổ số H01184Ha do Ủy ban nhân dân huyện I, tỉnh An Giang cấp ngày 03/12/2008 tại địa chỉ: Tờ bản đồ số 18 thửa số 04 tại thị trấn M, huyện I và quyền sở hữu căn nhà địa chỉ đường tỉnh 942 ấp M1, thị trấn M2, huyện I, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 09/NƠ do Ủy ban nhân dân huyện I, tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Minh T ngày 12/01/2009 theo hợp đồng thế chấp số 0662/HĐTC ngày 8/01/2011 để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do Ngân hàng tự nguyện và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội

đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Pháp luật về tố tụng:

Ngân hàng TMCP K có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với công ty TNHH đầu tư sản xuất xây dựng thương mại xuất nhập khẩu M. Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V mua lại toàn bộ khoản nợ nêu trên của Ngân hàng TMCP K nên Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V là tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn.

Bị đơn công ty M có trụ sở tại quận N, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Văn Phú M3 là người hiện đang trực tiếp trông nom nhà đất tại địa chỉ đường tỉnh 942 ấp M1, thị trấn M2, huyện I, tỉnh An Giang có đơn yêu cầu Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Vì ông chỉ là người giữ nhà thay cho ông Võ Minh T và không liên quan gì đến vụ kiện giữa Ngân hàng và công ty M. Trường hợp, ông có tranh chấp với ông Văn Phú M3 thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác. Do đó, Tòa án không đưa ông M3 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh T, Nguyễn Thanh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và ông Đ là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 16/01/2019 Ngân hàng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó Ngân hàng rút yêu cầu phát mãi tài sản đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo giấy chứng nhận số BC 34632 vào sổ số CH00191 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp ngày 10/6/1010 cho ông Huỳnh Văn D, bà Nguyễn Bích H, địa chỉ nhà 155/5 R, thành phố X, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án không đưa ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Bích H là chủ sở hữu tài sản thế chấp vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Pháp luật về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo hai hợp đồng tín dụng đã ký tính đến thời

điểm xét xử là 19.590.448.525 đồng (mười chín tỷ năm trăm chín mươi triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ (hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ) thể hiện công ty M có vay và nhận tiền tiền vay của Ngân hàng. Tính đến ngày Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm công ty M chưa thanh toán được tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 0662/HĐTD ngày 8/01/2011, hợp đồng này quá hạn kể từ ngày 10/4/2011.

Đối với hợp đồng tín dụng số 0674/HĐTD ngày 26/01/2011, ngày 25/12/2017 ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Bích H đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.630.000.000 đồng và tiền lãi là 5.000.000 đồng và tiến hành giải chấp tài sản thế chấp. Hợp đồng tín dụng này quá hạn kể từ ngày 28/2/2011 cho đến nay, công ty M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Đại diện công ty M cũng thừa nhận không trả được nợ gốc do công ty kinh doanh gặp khó khăn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ.

Do công ty M vi phạm nghĩa vụ thanh toán dẫn đến thiệt hại cho Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu công ty M thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, tài sản thế chấp thực hiện theo đúng quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm (có ký hợp đồng thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền) nên việc thế chấp phát sinh hiệu lực pháp luật. Do đó, Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp, công ty Như Minh không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0271115 vào sổ số H01184Ha do Ủy ban nhân dân huyện I, tỉnh An Giang cấp ngày 03/12/2008 tại địa chỉ: Tờ bản đồ số 18 thửa số 04 tại thị trấn M2, huyện I và quyền sở hữu nhà địa chỉ đường tỉnh 942 ấp M1, thị trấn M2, huyện I, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 09/NƠ do Ủy ban nhân dân huyện I, tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Minh T ngày 12/01/2009 để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi phạt do chậm trả lãi.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ Ngân hàng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Do công ty M có nghĩa vụ thanh toán tiền còn nợ cho nguyên đơn nên phải có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 244, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 466, 471, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V về việc yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo giấy chứng nhận số BC 34632 vào sổ số CH00191 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp ngày 10/6/2010, địa chỉ nhà 155/5 phường R, thành phố X, tỉnh An Giang thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Bích H.

2/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V:

Buộc Công ty TNHH đầu tư sản xuất xây dựng thương mại xuất nhập khẩu M có trách nhiệm trả cho Tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V số tiền theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 0662/HĐTD ngày 8/01/2011:

Tiền nợ gốc: 4.200.000.000 đồng

Tiền lãi trong hạn: 445.503.333 đồng

Tiền lãi quá hạn: 12.145.245.000 đồng

Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi: 16.790.748.333 đồng.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 0674/HĐTD ngày 26/01/2011:

Tiền nợ gốc: 0 đồng

Tiền lãi trong hạn: 167.914.203 đồng

Tiền lãi quá hạn: 3.277.289.410 đồng

Tổng cộng: 3.445.203.525 đồng.

Tổng cộng, công ty M phải thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo hai hợp đồng tín dụng nêu trên là 19.590.448.525 đồng (mười chín tỷ năm trăm chín mươi triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng).

Phương thức và thời hạn trả: Trả làm một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Tiền lãi được tiếp tục phát sinh kể từ ngày 01/10/2020 theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận trong 02 hợp đồng tín dụng nói trên cho đến khi công ty M trả hết nợ.

Ngay khi công ty M trả hết nợ cho Tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V theo hợp đồng tín dụng số 0662/HĐTD ngày 8/01/2011 thì Tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V phải trả lại cho ông Võ Minh T bản chính các giấy tờ sau:

Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 271115 số vào sổ H.01184Ha do Ủy ban nhân dân huyện I, tỉnh An Giang cấp ngày 03/12/2008 và bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở theo hồ sơ gốc số 09/NƠ do Ủy ban nhân dân huyện I, tỉnh An Giang cấp ngày 12/01/2009.

Trường hợp, Công ty TNHH đầu tư sản xuất xây dựng thương mại xuất nhập khẩu M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất tại: Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 18 tại thị trấn M2, huyện I, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 271115 số vào sổ H.01184Ha do Ủy ban nhân dân huyện I, tỉnh An Giang cấp ngày 03/12/2008 cho ông Võ Minh T .

Quyền sở hữu nhà ở, địa chỉ: thửa đất 4, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại đường tỉnh 942, ấp M2, huyện I theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 271115 số vào sổ H.01184Ha do Ủy ban nhân dân huyện I, tỉnh An Giang cấp ngày 12/01/2009 cho ông Võ Minh T.

Trường hợp, khi phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH đầu tư sản xuất xây dựng thương mại xuất nhập khẩu M nếu số tiền phát mãi tài sản thế chấp vẫn còn thừa thì phải trả lại số tiền còn thừa cho ông Võ Minh T .

Trường hợp, khi phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V sau khi thực hiện xong tất cả nghĩa vụ do Công ty TNHH đầu tư sản xuất xây dựng thương mại xuất nhập khẩu M phải chịu nếu số tiền phát mãi tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng K thì Công ty TNHH đầu tư sản xuất xây dựng thương mại xuất nhập khẩu M phải tiếp tục trả cho đến khi hết nợ.

2/ Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 127.590.448 đồng (*một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm chín mươi ngàn bốn trăm bốn mươi tám đồng*) do Công ty TNHH đầu tư sản xuất xây dựng thương mại xuất nhập khẩu M phải nộp.

Hoàn lại cho Tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.191.830 đồng (*năm mươi tám triệu một trăm chín mươi mốt ngàn tám trăm ba mươi đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 01146 ngày 5/11/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Hồng Út

